

Số: /2026/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO
(lần 2)

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm và quản lý hạ tầng, công nghệ, phương tiện hoạt động trong không gian ngầm trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Phát triển đô thị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số /TTr-SXD ngày tháng năm 2026 về việc ban hành Quy định về quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm và quản lý hạ tầng, công nghệ, phương tiện hoạt động trong không gian ngầm trên địa bàn thành phố Đồng Nai;

Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành Quy định về quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm và quản lý hạ tầng, công nghệ, phương tiện hoạt động trong không gian ngầm trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm và quản lý hạ tầng, công nghệ, phương tiện hoạt động trong không gian ngầm trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quyết định này và Quy định ban hành kèm theo được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH*****Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;
- Văn phòng thành ủy;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Lưu: VT, KTN (.....bản).

QUY ĐỊNH

Về quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm và quản lý hạ tầng, công nghệ, phương tiện hoạt động trong không gian ngầm trên địa bàn thành phố Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Quyết định số/2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này cụ thể hóa các biện pháp quản lý, khai thác và sử dụng đối với không gian ngầm trên địa bàn thành phố Đồng Nai theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật Phát triển đô thị, cụ thể:

- Biện pháp quản lý, khai thác và sử dụng không gian ngầm.
- Biện pháp quản lý hạ tầng, công nghệ và phương tiện hoạt động không gian ngầm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, Ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp, ủy quyền hoặc giao trách nhiệm quản lý, khai thác, sử dụng thuộc phạm vi quy định tại Điều 1 của Quy định này.

2. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động quản lý, khai thác, sử dụng thuộc phạm vi quy định tại Điều 1 của Quy định này.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan theo yêu cầu quản lý của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dữ liệu quản lý không gian ngầm* là dữ liệu số xác định vị trí, ranh giới, chiều sâu, chức năng, tình trạng đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, quan trắc và các thông tin cần thiết khác; được số hóa, lưu trữ và tích hợp thống nhất trong cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố phục vụ công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền.

2. *Hạ tầng công nghệ phục vụ quản lý* là hệ thống nền tảng số, cơ sở dữ liệu, phần mềm, thiết bị kỹ thuật và giải pháp công nghệ có tính liên thông, bảo mật; phục vụ công tác giám sát, điều hành các hoạt động, công trình và phương tiện vận hành trong không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao theo quy định của pháp luật.

3. Các từ ngữ khác được hiểu theo Luật Phát triển đô thị, nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố và pháp luật có liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Tuân thủ đầy đủ, chặt chẽ quy định của Luật Phát triển đô thị và pháp luật có liên quan. Mọi hoạt động khai thác, sử dụng phải phù hợp với quy hoạch tổng thể thành phố, quy hoạch đô thị và nông thôn và các quy hoạch khác có liên quan. Trường hợp chưa có quy hoạch không gian ngầm thì thực hiện theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố và pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng thủ dân sự, an toàn công trình, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, bảo vệ môi trường, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu. Bảo đảm an toàn con người, bảo vệ quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp đối với đất đai và tài sản, khả năng tiếp cận của người khuyết tật, người cao tuổi.

3. Việc quản lý, phát triển, khai thác, sử dụng không gian ngầm ưu tiên các công trình có tính lưỡng dụng, có khả năng sẵn sàng chuyển sang phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh.

4. Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khả năng kết nối tối ưu giữa các không gian trong tổng thể phát triển đô thị theo quy hoạch. Bảo đảm khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên không gian đô thị; ưu tiên sử dụng đa mục tiêu, đa chức năng, phát triển các không gian theo hướng xanh, thông minh, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững, phù hợp điều kiện địa chất, địa kỹ thuật, thủy văn, khí tượng và điều kiện tự nhiên của thành phố.

5. Không làm ảnh hưởng an toàn hoặc gây cản trở việc khai thác, vận hành của các công trình hiện hữu; không làm thay đổi, hoặc gây tác động tiêu cực đến điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường, cảnh quan đô thị, di sản văn hóa, lịch sử và các khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù; không làm giảm khả năng phục vụ lợi ích công cộng, không tư nhân hóa không gian công cộng và không chuyển rủi ro của dự án sang Nhà nước, cộng đồng dân cư.

6. Các cơ quan, đơn vị trong phạm vi được phân cấp, ủy quyền hoặc giao trách nhiệm phải tích cực, chủ động, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ; phân bổ hợp lý để bảo đảm nguồn lực thực hiện; thường xuyên kiểm tra, giám sát và kịp thời phát hiện, báo cáo cơ quan có thẩm quyền để ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm; đảm bảo yêu cầu về phát triển, công khai, minh bạch thông tin cũng như đồng bộ, hiệu quả trong công tác phối hợp quản lý theo quy định.

7. Khuyến khích huy động nguồn lực hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để đầu tư phát triển hạ tầng, công nghệ và dịch vụ trong không gian ngầm; tăng cường hợp tác công tư, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong quản lý, khai thác và sử dụng không gian ngầm đô thị.

8. Trường hợp nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về quốc phòng, an ninh, hàng không dân dụng, phòng không nhân dân, đất đai, đầu tư, xây dựng, tài sản công, giá, dữ liệu, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy và pháp luật chuyên ngành khác thì thực hiện theo pháp luật chuyên ngành. Việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

CHƯƠNG II

QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHÔNG GIAN NGẦM

Điều 5. Yêu cầu quản lý không gian ngầm

1. Không gian ngầm trên địa bàn thành phố Đồng Nai được quản lý, phân bổ và sử dụng theo chức năng, phân vùng và tuân thủ Quy hoạch tổng thể Thành phố, quy hoạch không gian ngầm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc quản lý phải xác định phạm vi không gian ba chiều, cao độ, chiều sâu, ranh giới ảnh hưởng, hành lang bảo vệ, lối tiếp cận, điểm kết nối, chủ sở hữu, đơn vị quản lý, chế độ sử dụng, thời hạn, công năng và yêu cầu bảo vệ công trình theo quy hoạch, dự án, thiết kế, hồ sơ hoàn công hoặc hồ sơ pháp lý có liên quan.

Bảo đảm phát triển không gian ngầm đồng bộ, kết nối an toàn tuyệt đối, liên thông với các không gian khác; bảo tồn các khu vực di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và cảnh quan môi trường đô thị.

3. Công trình hiện hữu, công trình đang xây dựng và công trình đã được xác định trong quy hoạch được cập nhật vào cơ sở dữ liệu, bản đồ số không gian ngầm theo quy định của pháp luật và lộ trình của thành phố.

Điều 6. Biện pháp quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm

1. Tổ chức, cá nhân chỉ được khai thác, sử dụng không gian ngầm và xây dựng công trình ngầm theo đúng mục đích, chức năng, phạm vi ranh giới và chiều sâu quy định tại giấy phép xây dựng hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Điều chỉnh việc khai thác, sử dụng không gian ngầm

Việc khai thác, sử dụng không gian ngầm được xem xét điều chỉnh, tạm ngưng hoặc thu hồi quyền khai thác trong trường hợp phục vụ yêu cầu khẩn cấp về quốc phòng, an ninh, phòng thủ dân sự, xử lý sự cố thiên tai hoặc khi điều chỉnh Quy hoạch tổng thể thành phố phục vụ lợi ích công cộng hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

3. Kết nối công trình ngầm và sử dụng hạ tầng dùng chung

a) Khuyến khích chủ sở hữu các công trình ngầm liền kề chủ động thỏa thuận kết nối, chia sẻ hệ thống hạ tầng kỹ thuật dùng chung để đồng bộ các công trình ngầm với nhau, tối ưu hóa không gian sử dụng và nâng cao hiệu quả sử dụng không gian, phục vụ cộng đồng.

Việc kết nối công trình ngầm và sử dụng hạ tầng dùng chung phải phù hợp quy hoạch, dự án được phê duyệt; bảo đảm an toàn kết cấu, phòng cháy, chữa cháy, thoát nạn, cứu nạn, cứu hộ, chống ngập, an ninh, kiểm soát tiếp cận, vệ sinh môi trường, khả năng vận hành, bảo trì độc lập và liên tục của từng công trình.

b) Chủ đầu tư công trình đề xuất kết nối và chủ sở hữu hoặc đơn vị được giao quản lý công trình tiếp nhận kết nối thỏa thuận về vị trí, giải pháp kỹ thuật, phạm vi giao diện, tải trọng, công năng, thời gian thi công, chế độ vận hành, chi phí đầu tư, vận hành, bảo trì, quyền tiếp cận để kiểm tra, sửa chữa, trách nhiệm xử lý sự cố và hoàn trả. Thỏa thuận không thay thế thủ tục, quyết định hoặc chấp thuận theo quy định của pháp luật.

c) Đối với kết nối với công trình, kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư hoặc quản lý, yêu cầu kết nối được xem xét trong quá trình thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế hoặc phương án quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công; bảo đảm công khai, minh bạch, không phân biệt đối xử, không ảnh hưởng công năng công cộng và khả năng phát triển, mở rộng công trình.

d) Ưu tiên kết nối công trình ngầm với nhà ga đường sắt đô thị, đầu mối giao thông công cộng, bãi đỗ xe công cộng, khu vực phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng, công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật dùng chung khi phù hợp quy hoạch và đáp ứng yêu cầu an toàn.

đ) Chi phí đầu tư, quản lý, vận hành, bảo trì phần kết nối và hạ tầng dùng chung được xác định trong thỏa thuận kết nối, quyết định phê duyệt dự án, hợp đồng hoặc phương án quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công theo quy định của pháp luật. Phí kết nối không gian ngầm chỉ được thu khi Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng. Giá sản phẩm, dịch vụ công, giá dịch vụ sử dụng tài sản công và khoản thu khác thực hiện theo pháp luật về giá, phí và lệ phí, quản lý, sử dụng tài sản công và nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố; bảo đảm không thu trùng đối với cùng một nội dung chi phí.

Điều 7 Giải quyết giao thoa và xử lý xung đột trong không gian ngầm

1. Nguyên tắc chung

a) Bảo đảm ưu tiên an toàn tuyệt đối, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự và an toàn xã hội.

b) Bảo đảm sự hài hòa giữa lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước và quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất, chủ sở hữu công trình trên mặt đất, mặt nước và dưới lòng đất, mặt nước.

c) Mọi xung đột, tranh chấp về không gian phải được xác định, xử lý dựa trên dữ liệu quản lý không gian số (mô hình 3D, tọa độ chuẩn hóa) và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định quản lý có hiệu lực áp dụng.

2. Giải quyết giao thoa và xử lý xung đột trong không gian ngầm

a) Việc xây dựng các công trình ngầm phục vụ mục đích công cộng (đường sắt đô thị ngầm, đường ống, cáp kỹ thuật đô thị, trung tâm thương mại ngầm) đi qua lòng đất dưới thửa đất của tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng đất hợp pháp phải bảo đảm an toàn tuyệt đối cho kết cấu móng, tầng hầm của công trình trên mặt đất hiện hữu và khả năng chịu lực của đất nền.

b) Trường hợp công trình ngầm công cộng đi ngầm dưới mức giới hạn độ sâu được sử dụng miễn phí nhưng vẫn gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền móng hoặc các công trình ngầm hợp pháp khác của người sử dụng đất: Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm nghiên cứu, đề xuất giải pháp kỹ thuật hợp lý đảm bảo yêu cầu dự án, an toàn công trình hoặc báo cáo, đề xuất phương án bồi thường, hỗ trợ phù hợp quy định đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét, quyết định.

Điều 8. Quản lý hạ tầng, công nghệ, phương tiện hoạt động và vận hành, bảo trì, xử lý sự cố công trình trong không gian ngầm

1. Hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm (hệ thống đường ống cấp nước, thoát nước, đường cáp điện, cáp viễn thông đi ngầm, tuynel và hào kỹ thuật dùng chung,...) phải được đầu tư xây dựng, quản lý vận hành phù hợp quy hoạch, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành và quy định về phân cấp quản lý hạ tầng kỹ thuật của thành phố. Khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ công cộng (bãi đỗ xe ngầm,...).

2. Đối với công trình đường sắt đô thị, nhà ga, đề-pô, khu vực phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng và công trình có liên kết phức tạp, chủ đầu tư, chủ sở hữu, đơn vị quản lý phải kiểm soát giao diện kết cấu, phòng cháy, chữa cháy, thoát nạn, chống ngập, thông gió, cấp điện, thông tin liên lạc; bảo đảm vận hành độc lập và khả năng mở rộng theo quy hoạch, dự án được phê duyệt.

3. Quản lý công nghệ và phương tiện hoạt động trong không gian ngầm

a) Phương tiện hoạt động trong không gian ngầm phải phù hợp công năng, thiết kế, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, điều kiện an toàn và quy trình vận hành; bảo đảm khả năng tương tác, dự phòng, an toàn thông tin, an ninh mạng và không gây ảnh hưởng bất lợi đến công trình, hệ thống kỹ thuật lân cận.

b) Khuyến khích áp dụng chuyển đổi số, công nghệ tiên tiến (Mô hình thông tin công trình (BIM), Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và khuyến khích áp dụng Bản sao số (Digital Twin)) trong toàn bộ vòng đời công trình ngầm từ khâu khảo sát địa chất, thiết kế, thi công cho đến quản lý vận hành, bảo trì.

4. Vận hành, bảo trì và xử lý sự cố

a) Chủ sở hữu, đơn vị quản lý, vận hành thực hiện vận hành, bảo trì, kiểm định, quan trắc, kiểm soát an toàn, phòng cháy, chữa cháy, thoát nạn, cứu nạn, cứu

hộ, kiểm soát ngập và duy trì hoạt động liên tục theo pháp luật, hồ sơ được phê duyệt và quy trình vận hành công trình.

b) Kết quả kiểm định an toàn công trình, số liệu quan trắc sụt địa chất phải được cập nhật thường xuyên vào Cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố.

c) Khi phát hiện nguy cơ mất an toàn, chủ sở hữu, đơn vị quản lý, vận hành phải kịp thời cảnh báo, hạn chế hoặc tạm dừng khai thác, sơ tán người, cô lập khu vực, thông báo cơ quan có thẩm quyền và triển khai phương án ứng cứu; chỉ được hoạt động trở lại sau khi nguyên nhân được xử lý và đáp ứng điều kiện an toàn theo quy định.

5. Việc thay đổi công năng, cải tạo, mở rộng, đóng cửa, chấm dứt khai thác hoặc tháo dỡ công trình phải đánh giá ảnh hưởng; xử lý công trình bỏ không, tài sản, dữ liệu, môi trường và hoàn trả hiện trạng theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III

HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ PHỐI HỢP QUẢN LÝ

Điều 9. Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý

1. Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý theo Quy định này được xây dựng, quản lý và vận hành thống nhất trên phạm vi thành phố, gồm dữ liệu quy hoạch; địa hình, địa chất, địa kỹ thuật, thủy văn, nước dưới đất, sụt lún, ngập; công trình, hạ tầng hiện hữu và dự kiến; phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn, điểm kết nối; dữ liệu quan trắc, vận hành, bảo trì, sự cố; hạ tầng, công nghệ, phương tiện và hoạt động trong không gian ngầm theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở dữ liệu được tạo lập, cập nhật, chuẩn hóa về cấu trúc, định dạng, mã định danh và tiêu chí kỹ thuật dùng chung trên nền hệ thống thông tin địa lý, mô hình thông tin công trình và mô hình không gian ba chiều; có mã định danh, nguồn gốc, thời điểm cập nhật, mức độ chính xác, chủ thể chịu trách nhiệm và chế độ khai thác;

Được quản lý tập trung, thống nhất và tích hợp, liên thông trực tiếp với nền tảng số dùng chung của thành phố, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và Trung tâm điều hành đô thị thông minh (IOC) để điều phối hoạt động đô thị theo thời gian thực.

Danh mục dữ liệu, cấu trúc, định dạng, chuẩn kết nối và lộ trình cập nhật do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành hoặc cơ quan được giao ban hành theo thẩm quyền, phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn và cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành.

3. Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc trực tiếp quản lý, khai thác các công trình, hạ tầng, công nghệ và phương tiện trong không gian ngầm có trách nhiệm cung cấp, cập nhật dữ liệu số hóa (theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu quản lý của cơ quan có thẩm quyền) đảm bảo đầy đủ, chính xác, kịp thời

và chịu trách nhiệm về dữ liệu do mình cung cấp. Việc cung cấp, cập nhật dữ liệu được tích hợp vào quy trình, hệ thống thông tin hiện hành, không làm phát sinh thủ tục hành chính hoặc yêu cầu cung cấp lại dữ liệu đã có trong cơ sở dữ liệu được kết nối, chia sẻ.

Khuyến khích và từng bước bắt buộc áp dụng Mô hình thông tin công trình (BIM), Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và Bản sao số (Digital Twin) để tự động hóa việc cập nhật dữ liệu khi có thay đổi về hiện trạng xây dựng, vận hành hoặc bảo trì.

4. Việc tiếp cận, khai thác, chia sẻ, công khai dữ liệu thực hiện theo phân loại dữ liệu, phân quyền truy cập và pháp luật về dữ liệu, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân, bí mật kinh doanh; không công khai thông tin có thể gây nguy cơ đối với quốc phòng, an ninh, an toàn công trình và hệ thống hạ tầng thiết yếu.

5. Cơ quan quản lý chuyên ngành kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; ưu tiên kiểm tra dựa trên mức độ rủi ro, dữ liệu quan trắc, phản ánh và dấu hiệu vi phạm; phối hợp, chia sẻ kết quả để tránh chồng chéo, trùng lặp.

Điều 10. Nguyên tắc phối hợp quản lý

a) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ, liên tục trong việc: Lập, điều chỉnh quy hoạch không gian; thẩm định, nghiệm thu công trình ngầm; xây dựng và cập nhật dữ liệu số dùng chung; bảo đảm quốc phòng, an ninh và ứng phó các sự cố khẩn cấp.

b) Việc phối hợp được thực hiện thường xuyên thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu số liên thông trên môi trường mạng, hợp liên ngành hoặc thành lập các Tổ công tác liên ngành để xử lý các nội dung phức tạp, giao thoa nhiều lĩnh vực.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước đối với nội dung thuộc phạm vi Quy định này, trong đó:

a) Chủ trì xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu, bản đồ số không gian ngầm; tham mưu quản lý yêu cầu kết nối công trình ngầm, hạ tầng giao thông, đường sắt đô thị, nhà ga, đề-pô, khu vực phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng và hạ tầng kỹ thuật đô thị;

b) Cung cấp, cập nhật dữ liệu quy hoạch; phối hợp kiểm soát sự phù hợp quy hoạch, tổ chức không gian, cảnh quan, kiến trúc, điem kết nối và khu vực phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện.

c) Trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan có liên quan rà soát, trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền danh mục dữ liệu, cấu trúc, định dạng, chuẩn kết nối, quy chế cập nhật, chia sẻ, khai thác, bảo mật dữ liệu và hướng dẫn về giao diện kết nối công trình ngầm.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tham mưu về kiến trúc kỹ thuật, chuẩn kết nối, nền tảng dữ liệu, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phối hợp xây dựng danh mục, cấu trúc, định dạng dữ liệu không gian ba chiều; tham mưu triển khai thử nghiệm công nghệ, phương tiện, dịch vụ mới trong không gian tầm thấp theo thẩm quyền và pháp luật.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện quản lý đất đai, địa chất, khoáng sản, tài nguyên nước, nước dưới đất, môi trường, biển và hải đảo; cung cấp dữ liệu, hướng dẫn theo thẩm quyền về quan trắc sụt lún, ngập, xâm nhập mặn, tác động môi trường và xử lý chất thải.

4. Sở Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công; tham mưu bố trí kinh phí theo khả năng cân đối ngân sách; phối hợp thực hiện phí, giá và khoản thu theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố và pháp luật có liên quan.

5. Công an thành phố, Bộ Chỉ huy quân sự thành phố thực hiện, phối hợp thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng thủ dân sự, bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; cung cấp, cập nhật thông tin theo chức năng, thẩm quyền và chế độ bảo mật.

6. Các sở, ban, ngành thành phố và Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện quản lý, kiểm tra, cung cấp, cập nhật dữ liệu, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hoặc kiến nghị xử lý vi phạm; phối hợp bảo vệ hiện trường, sơ tán, cứu nạn, cứu hộ và tiếp nhận phản ánh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

7. Chủ đầu tư, chủ sở hữu, đơn vị quản lý, vận hành và tổ chức, cá nhân có liên quan tuân thủ quy hoạch, quyết định, giấy phép, chấp thuận, tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy trình kỹ thuật; chịu trách nhiệm về an toàn, chất lượng, dữ liệu và tác động do hoạt động của mình gây ra; thực hiện quan trắc, bảo trì, ứng cứu sự cố, cung cấp dữ liệu, nghĩa vụ tài chính, bồi thường thiệt hại, hoàn trả hiện trạng và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

8. Trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, các sở, ban, ngành thành phố và Ủy ban nhân dân xã, phường lập danh mục công trình, hạ tầng thuộc phạm vi quản lý; xác định dữ liệu còn thiếu, kế hoạch khảo sát, số hóa, cập nhật và kết nối cơ sở dữ liệu phù hợp nguồn lực, kế hoạch chuyển đổi số và quy định của pháp luật.

Điều 12. Quy định chuyển tiếp

1. Công trình, hạ tầng, công nghệ, phương tiện và hoạt động đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép trước ngày Quyết định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn được phép. Trường hợp điều chỉnh, gia hạn, thay

đổi công năng, kết nối hoặc mở rộng thì thực hiện theo Quy định này và pháp luật hiện hành.

2. Sở Xây dựng chủ trì hướng dẫn áp dụng Quy định này, tổng hợp khó khăn, vướng mắc; định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý nội dung vượt thẩm quyền./.